BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo: Sư phạm Tin học **Khoá đào tạo: 2026**
Trình độ đào tạo: Đại học **Hình thức đào tạo: Chính quy**
(Kèm theo Quyết định số 5300/QĐ-ĐHĐT ngày 03 tháng 9 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ TC		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
A. Kiến thức giáo dục đại cương			**33**						
I. Ngoại ngữ (*)				*Theo QĐ số 6116/QĐ-ĐHĐT, ngày 25/9/2025*					
II. Tin học (*)									
III. Giáo dục quốc phòng (*)			**11**						
1	GE4165	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam*	3	45					2
2	GE4150	Công tác quốc phòng, an ninh*	2	30			GE4165		2
3	GE4166	Quân sự chung*	2	14	16		GE4165		2
4	GE4167	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật*	4	4	56		GE4165		2
IV. Giáo dục thể chất (*)			**3**						
4.1. Học phần bắt buộc			**2**						
5	GE4306	Giáo dục thể chất 1*	1		30				1
6	GE4334	Giáo dục thể chất 2* (Bơi lội)	1		30		GE4306		2
4.2. Học phần tự chọn (chọn ít nhất 1 TC)			**1**						
7	GE4335	Bóng đá*	1		30		GE4306		3
8	GE4336	Bóng chuyền*	1		30		GE4307		3
9	GE4337	Cầu lông*	1		30		GE4308		3
10	GE4338	Võ thuật Vovinam*	1		30		GE4309		3
11	GE4339	Võ thuật Karatedo*	1		30		GE4310		3
12	GE4340	Cờ vua*	1		30		GE4311		3
13	GE4347	Pickleball*	1		30		GE4312		3
V. Đại cương chung			**19**						
5.1. Đại cương chung bắt buộc			**17**						
14	IE4501	Nhập môn ngành Sư phạm Tin học	1	15					1
15	GE4091	Triết học Mác - Lênin	3	45					1
16	GE4092	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30			GE4091		2
17	GE4039N	Pháp luật Việt Nam đại cương	3	45					3
18	AI4450	Nhập môn Công nghệ số và ứng dụng AI	2	20	20				1
19	GE4093	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30			GE4092		3
20	GE4056	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30			GE4092		3
21	GE4094	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30			GE4092		4
5.2. Đại cương chung tự chọn			**2**						
22	GE4007	Tâm lý học tiểu học	2	30					5
23	GE4073N	Giáo dục học tiểu học	2	30					5
24	GE4049	Tiếng việt thực hành	2	30					5
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			**102**						
I. Kiến thức cơ sở nhóm ngành			**10**						
25	GE4045	Tâm lý học đại cương	2	30					3
26	GE4017	Giáo dục học đại cương	2	30					3
27	GE4078	Tâm lý học trung học	2	30			GE4045		4
28	GE4075	Giáo dục học trung học	2	30			GE4017		4
29	GE4111	Quản lý HCNN và QL ngành GD	2	30					6
II. Kiến thức cơ sở ngành			**29**						
30	IE4020	Tin học căn bản	2	15	30				1
31	IE4017	Toán rời rạc	3	45					1
32	IE4012N	Lập trình căn bản	3	30	30				1
33	IE4219	Xác suất thống kê cho tin học	2	30					1
34	IE4019N	Lý thuyết đồ thị	2	30			IE4017		2
35	IE4002	Cấu trúc dữ liệu và Giải thuật	3	30	30		IE4012N		2
36	IE4307	Đại số tuyến tính	2	30					2
37	IE4005N	Hệ điều hành	2	30			IE4020		4
38	IE4302	Lập trình trực quan	3	30	30		IE4020		4
39	IE4001	Kiến trúc máy tính	2	15	30				4
40	IE4021	Thiết kế web	2	15	30		IE4020		5
41	IE4040	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30					5
42	IE4111P	Đồ án môn học 1	1	2	26		IE4002 IE4040		6
III. Kiến thức chuyên ngành			**42**						
3.1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc			**37**						

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ TC		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
43	IE4107	Cơ sở dữ liệu	3	30	30				3
44	IE4121	Lập trình hướng đối tượng	3	30	30		IE4012N		3
45	IE4125P	Lý luận dạy học Tin học	2	30					4
46	IE4022	PP dạy học Tin học ở trường phổ thông	3	30			IE4125P		5
47	IE4304	Lập trình Python và ứng dụng	3	30	30		IE4121		5
48	IE4229	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	2	30					4
49	IE4023	STEM và Robotics	2	15	30				5
50	IE4227	Nhập môn Mạng máy tính	2	30					5
51	IE4546	Lắp ráp, cài đặt và bảo trì hệ thống máy tính	3	30	30				6
52	IE4115N	E-Learning	3	30	30		IE4022		6
53	IE4024	Trí tuệ nhân tạo	3	30	30		IE4019N		6
54	IE4025	Lập trình Web	3	30	30		IE4107 IE4021		6
55	IE4220	PP kiểm tra đánh giá kết quả học tập Tin học	2	20	20		IE4125P		7
56	IE4026	Tiếng anh chuyên ngành Tin học	2	30					7
57	IE4112P	Đồ án môn học 2	1	2	26		IE4111P IE4107 IE4023 IE4025		7
3.2. Kiến thức chuyên ngành tự chọn			**5**						
58	IE4511	Công cụ thiết kế bài giảng	2	15	30		IE4020		7
59	IE4027	Lập trình ứng dụng với Java	3	30	30		IE4107 IE4121		7
60	IE4203	Lập trình thiết bị di động	3	30	30		IE4121		7
61	IE4119N	Lập trình .NET (C#)	3	30	30		IE4107 IE4121		7
62	IE4003	An toàn và bảo mật thông tin	2	15	30		IE4002		7
63	IE4028	Ứng dụng công nghệ AI trong dạy học Tin học	2	15	30		IE4024		7
64	IE4029	Đại cương về khoa học dữ liệu	2	20	20		IE4002		7
65	IE4030	Khai thác các ứng dụng dạy học Tin học ở trường phổ thông	2	15	30		IE4020		7
66	IE4308	IoT và ứng dụng	3	30	30		IE4012N		7
67	IE4146	Thiết kế và cài đặt mạng máy tính	3	30	30		IE4227		7
68	IE4142P	Quản trị hệ thống mạng Windows	3	30	30		IE4227		7
69	IE4226N	Robot giáo dục	3	30	30		IE4012N		7
IV. Khối kiến thức nghiệp vụ Sư phạm			**15**						
70	IE4401P	Rèn luyện NVSPTX 1	1	15					4
71	IE4402	Rèn luyện NVSPTX 2	2	10	40		IE4125P		5
72	IE4403	Rèn luyện NVSPTX 3	2	5	50		IE4022		6
73	IE4404	Rèn luyện NVSPTX 4	1	5	20		IE4022		7
74	IE4491	Kiến tập sư phạm	3		90		IE4402		7
75	IE4407N	Thực tập tốt nghiệp	6		180		IE4402		8
V. Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế			**6**						
5.1. Khóa luận tốt ngiệp			**6**						
76	IN4299N	Khóa luận tốt nghiệp	6		180		IN4112P		8
5.2. Học phần thay thế khóa luận			**6**						
77	IE4205	Phát triển phần mềm mã nguồn mở	3	30	30		IE4111P		8
78	IE4161N	Bồi dưỡng học sinh giỏi	3	30	30		IE4002		8
79	IE4031	Python và thị giác máy tính	3	30	30		IE4304		8
TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA			**135**	1722	1854				
Tổng số tín chỉ điều kiện:			14						
Tổng số tín chỉ tích luỹ:			121						
Tổng số tín chỉ bắt buộc:			114						
Tổng số tín chỉ tự chọn:			7						